TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2017/DS-PT
Ngày 28-9-2017
V/v tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Hoài Trí

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng

Ông Nguyễn Văn Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2017/TLPT-DS ngày 07 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2017/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã D bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 122/2017/QĐ-PT ngày 16 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Lê Hồng P, sinh năm 1994; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1995; có mặt.

Cùng tạm trú: Số 521/70, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Minh N – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Minh N; thường trú: Số 36H/26, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1972; vắng mặt

2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1977; vắng mặt.

Cùng thường trú: Xã C, huyện C, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Số 36H/26, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Nguyễn Minh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm,

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2016, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Lê Hồng P, bà Nguyễn Thị H trình bày:

Đầu tháng 10/2016 vợ chồng ông, bà thuê 01 phòng trọ trên lầu của bà Nguyễn Minh N với giá thuê 900.000 đồng/tháng bao gồm 800.000 đồng tiền phòng và 100.000 đồng phí giữ 02 xe mô tô, các bên chỉ thỏa thuận miệng và không lập văn bản. Vào ngày 07/11/2016 sau khi đi làm về ông P, bà H gửi xe hiệu Yamaha Exciter màu xanh trắng, số khung 5P10DY322243, số máy 55P1322263, biển số 48B1 – 258.30 (do ông P đứng tên chủ sở hữu) và xe mô tô hiệu Vision màu xanh, số khung 5805EY154121, số máy JF58E0154231, biển số 37K1 – 681.72 (do bà H đứng tên chủ sở hữu) trong nhà để xe dãy trọ của bà N. Vào lúc 03 giờ 00 phút ngày 08/11/2016, bà Nguyễn Thị Đ (người được bà Nguyễn Minh N thuê trông giữ xe cho những người thuê ở trọ trên lầu) báo ông, bà bị mất xe. Bà N thỏa thuận bồi thường số tiền 20.000.000 đồng và 01 chiếc xe Click cũ (giá khoảng 10.000.000 đồng) của bà cho vợ chồng ông bà, nhưng sau đó bà N lại không đồng ý bồi thường. Việc bà N cho rằng bà đã thuê bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn Đ 1.000.000 đồng/tháng để trông giữ xe và quản lý tài sản đối với những người thuê trọ nên ông Đ, bà Đ có trách nhiệm bồi thường giá trị xe bị mất, việc này vợ chồng ông bà không đồng ý. Bởi lẽ, vợ chồng ông chỉ trực tiếp thỏa thuận việc thuê trọ, gửi xe với bà N, việc bà N thuê ông Đ, bà Đ giữ xe đây là sự thỏa thuận riêng giữa bà N với ông Đ, bà Đ không liên quan đến vợ chồng ông bà. Nay ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Minh N – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Minh N phải bồi thường trị giá 02 xe mô tô bị mất 56.000.000 đồng (theo giá ngày 24/01/2017 của Phòng Tài chính kế hoạch thị xã D), ngoài ra ông bà không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 27/12/2016, lời khai trong quá trình tố tụng bị đơn bà Nguyễn Minh N là chủ hộ kinh doanh Nguyễn Minh N trình bày:

Bà N thống nhất với trình bày của ông P, bà H về thời gian thuê phòng trọ, giá thuê phòng 900.000 đồng/tháng, trong đó có cả chi phí gửi xe. Tuy nhiên bà không trực tiếp quản lý tài sản cho người thuê trọ mà bà thỏa thuận riêng với vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Đ 1.000.000 đồng/tháng để giữ xe cho các phòng trọ thuê trên lầu, trong đó có vợ chồng ông P, bà H. Giữa bà N với vợ chồng ông Đ, bà Đ không có ký hợp đồng, chỉ là thỏa thuận bằng miệng về việc giữ xe và không có giao kết về thời gian kết thúc hợp đồng cũng như trách nhiệm bồi thường khi có mất mát tài sản (xe mô tô) xảy ra. Sự việc mất xe của ông P, bà H thuộc trách nhiệm của ông Đ, bà Đ. Nay ông P, bà H yêu cầu bà bồi thường giá trị xe bị mất bà không đồng ý bồi thường, việc này do ông Đ, bà Đ phải có trách nhiệm bồi thường.

Tại phiên tòa, bà N xác định giá thuê phòng ở trọ 900.000 đồng/tháng không gồm chi phí gửi xe. Bà thuê ông Đ, bà Đ 1.000.000 đồng/tháng là để dọn dẹp và

trông giữ nhà xe chứ không có trách nhiệm giữ xe cho các phòng trọ ở trên lầu. Vì vậy, bà Nguyễn Minh N – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Minh N không đồng ý bồi thường 56.000.000 đồng giá trị xe bị mất cho ông P, bà H và bà Đ, ông Đ cũng không có trách nhiệm bồi thường giá trị xe bị mất cho ông P, bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Vợ chồng ông bà từ tỉnh Cà Mau lên tỉnh Bình Dương tìm việc và có đến thuê phòng ở trọ của bà Nguyễn Minh N với giá thuê 1.000.000 đồng/tháng, cách thời gian mất xe ông P, bà H khoảng 04 năm. Do hoàn cảnh khó khăn, không có tiền trả tiền thuê trọ, hơn nữa dãy trọ của bà N có đặc điểm có lầu nên bà N có thuê vợ chồng ông Đ, bà Đ giữ xe cho các phòng trọ ở dãy trên lầu với giá 1.000.000 đồng/tháng, tiền công này sẽ cấn trừ vào số tiền hàng tháng thuê trọ cho bà N 1.000.000 đồng/tháng. Thời điểm ông P, bà H mất xe vợ chồng ông bà đang giữ khoảng 07-08 chiếc xe mô tô, do số lượng xe ít và chỉ giữ xe cho dãy trọ của bà N nên ông bà không ghi thẻ xe giao cho người gửi. Việc ông P, bà H yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Minh N – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Minh N bồi thường trị giá 02 xe mô tô bị mất thì vợ chồng ông bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông P, bà H. Bà N phải có trách nhiệm bồi thường giá trị xe bị mất vì chính bà N là người lấy tiền thuê trọ hàng tháng, trong đó có cả phí giữ xe của vợ chồng ông P, bà H. Vợ chồng ông bà thỏa thuận giữ xe thuê cho bà N nên chỉ có trách nhiệm với bà N, không có trách nhiệm bồi thường cho vợ chồng ông P, bà H.

Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2017/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã T tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng P, bà Nguyễn Thị H đối với bà Nguyễn Minh N – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Minh N.

Buộc bà Nguyễn Minh N – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Minh N phải bồi thường cho ông Lê Hồng P, bà Nguyễn Thị H giá trị của xe mô tô bị mất hiệu Exciter mang biển kiểm soát 48B1 – 258.30 và hiệu Vision mang biển kiểm soát 37K1 – 681.72 là 56.000.000 đồng (năm mươi sáu triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, trách nhiệm chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/6/2017, bị đơn bà Nguyễn Minh N có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Bị đơn bà N kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ vào lời khai của bà Đ, lời khai của ông P, bà H và lời khai của bà N có cơ sở xác định bà Nhật có nhận giữ xe cho nguyên đơn. Việc xảy ra mất xe trong nhà, đất của bà Nhật và thuộc phạm vi quản lý của bà N và bà N cũng đã thu tiền giữ xe của ông P, bà H hàng tháng. Vì vậy, trách nhiệm bồi thường giá trị xe bị mất của ông P, bà H là trách nhiệm của bà N.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nhật bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn số tiền 56.000.000 đồng do làm mất tài sản là hai chiếc xe môtô hiệu Exciter mang biển kiểm soát 48B1 – 258.30 và hiệu Vision mang biển kiểm soát 37K1 – 681.72 là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Lê Hồng P cùng vợ là bà Nguyễn Thị H có thuê phòng trọ của bà Nguyễn Minh N ở khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương; điều này đều được hai bên xác nhận. Mỗi tháng, ông P, bà H trả 900.000 đồng tiền thuê trọ cho bà N, trong đó có cả tiền trông giữ xe; điều này đã được bà N tại biên bản ghi lời khai ngày 27/12/2016 (BL49). Như vậy ngoài việc thuê phòng trọ thì còn phát sinh hợp đồng gửi giữ tài sản (xe mô tô) giữa vợ chồng ông P, bà H với bà N. Theo đó, bà N có trách nhiệm trông giữ xe cho vợ chồng ông P, bà H. Vì vậy, bà N có thuê vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Đ (tên thường gọi là V) giữ xe cho những người thuê phòng trọ trên lầu của nhà trọ bà N, trong đó có xe của vợ chồng ông P, bà H (bút lục 49). Mặc dù các bên không ký hợp đồng bằng văn bản nhưng bà N thừa nhận có thỏa thuận riêng với vợ chồng ông Đ, bà Đ về việc giữ xe và trả tiền công là 1.000.000 đồng/tháng (búc lục 49). Ông P và bà H cũng biết việc bà N thuê ông Đ, bà Đ trực tiếp trông giữ xe các người thuê phòng trọ trên lầu của bà N nên thường gửi xe cho bà Đ, ông Đ trông coi.

[3] Đêm ngày 08/11/2016 tại phòng trọ bà Nguyễn Minh N ở khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương có xảy ra việc mất hai chiếc xe mô tô hiệu Exciter mang biển kiểm soát 48B1 – 258.30 và hiệu Vision mang biển kiểm soát 37K1 – 681.72 của ông P, bà H trong thời gian ông P, bà H gửi xe cho ông Đ, bà Đ trông giữ. Việc mất xe được chính bà Đ, ông X báo cho bà N, ông P và bà H biết. Sau đó, các đương sự có trình báo sự việc cho Công an phường A (búc lục 66). Sự việc trên đã được Công an phường A chuyển đến cho Công an thị xã D giải quyết nhưng vụ việc đã được Công An thị xã D ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự vào ngày 07/8/2017. Mặc dù khi gửi xe ông P, bà H không được vợ chồng ông Đ, bà Đ giao thẻ giữ xe nhưng thực tế ông P, bà H có gửi xe và điều này đã được vợ chồng bà Đ, ông Đ xác định là đúng (búc lục 51). Việc xảy ra mất xe trong nhà, đất của bà N và thuộc phạm vi quản lý của bà N và bà N cũng đã thu tiền giữ xe của ông P, bà H hàng tháng. Do vậy trách nhiệm bồi thường giá trị xe bị mất của ông P, bà H là trách nhiệm của bà N. Theo quy định tại Điều 561 của Bộ luật Dân sự năm 2005 (nay là Điều 556 của Bộ luật Dân sự năm 2015) thì bên gửi tài sản có quyền: "*Yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu bên giữ làm mất mát, hư hỏng tài sản gửi giữ trừ trường hợp bất khả kháng...*". Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà N bồi thường thiệt hại do làm mất tài sản là hai chiếc xe môtô hiệu Exciter mang biển kiểm soát 48B1 – 258.30 và hiệu Vision mang biển kiểm soát

37K1 – 681.72 là có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm đã có văn bản yêu cầu Phòng Tài chính và Kế hoạch thị xã T yêu cầu xác định giá trị còn lại của hai chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh trắng, số khung 5P10DY322243, số máy 55P1322263, biển số 48B1 – 258.30; xe mô tô hiệu Vision màu xanh, số khung 5805EY154121, số máy JF58E0154231, biển số 37K1 – 681.72 và Phòng Tài chính và Kế hoạch thị xã D xác định giá trị hai chiếc xe là 56.000.000 đồng. Do đó có cơ sở buộc bị đơn bồi thường cho nguyên đơn số tiền 56.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Theo đơn khởi kiện thì ông P, bà H yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền thiệt hại là 60.775.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện và chỉ yêu cầu bồi thường đối với số tiền 56.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự là chưa phù hợp. Trường hợp này cần đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (đối với giá trị tiền đã rút là 4.775.000 đồng), vì nguyên đơn rút một phần yêu cầu trước khi mở phiên tòa nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do đó cần sửa bản án dân sự sơ thẩm về cách tuyên án cho phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là có cơ sở. Tuy nhiên cần sửa về cách tuyên án.

Bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 148; khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 10; Điều 561 của Bộ luật Dân sự 2005 (nay là Điều 556 Bộ luật dân sự 2015).

Căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Minh N– Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Minh N.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2017/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu rút một phần đơn khởi kiện của ông Lê Hồng P, bà Nguyễn Thị H đối với số tiền 4.775.000 đồng.

2.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng P, bà Nguyễn Thị H đối với bà Nguyễn Minh N – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Minh N.

Buộc bà Nguyễn Minh N – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Minh N phải bồi thường cho ông Lê Hồng P, bà Nguyễn Thị H giá trị của hai chiếc xe mô tô bị mất hiệu Exciter mang biển kiểm soát 48B1 – 258.30 và hiệu Vision mang biển kiểm soát 37K1 – 681.72 có tổng giá trị là 56.000.000 đ (năm mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3. Án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả cho ông Lê Hồng P và bà Nguyễn Thị H số tiền 1.520.000 đồng (một triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0008647 ngày 22/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Bà Nguyễn Minh N – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Minh N phải chịu 2.800.000 đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Minh N - Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Minh N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0009611 ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã D;
- TAND thị xã D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Đoàn Hoài Trí